

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 42/2025/DS-ST

Ngày 27/3/2025
V/v: Tranh chấp hợp
đồng tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cồ Khắc Đàm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tuấn

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024, về việc: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXX-DSST ngày 17/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 11A/2025/QĐST-DS ngày 26/02/2025, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng thương mại TNHH MTV D (Gọi tắt là DBank).

Địa chỉ trụ sở: Phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Phố T, phường D, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hữu M, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Minh D - Trưởng Ban kinh doanh; ông Nghiêm Xuân V - Phó Ban kinh doanh; ông Hoàng Văn N - Cán bộ kinh doanh (theo Giấy uỷ quyền số 031.2/2024/UQ-PDD ngày 21/8/2024 của DBank). (Ông V và ông N có mặt tại phiên tòa).

** Bị đơn: Ông **Nguyễn Chu C**, sinh năm 1976.*

*Bà **Nguyễn Thị D1**, sinh năm 1976.*

Cùng nơi cư trú tại: Thôn G, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội.

(Ông C và bà D1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai của đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày tại Tòa án như sau:*

Ngày 25/06/2011, Ngân hàng cùng Bên vay vốn ký Hợp đồng tín dụng số 0447/ĐĐ/2011/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0447/ĐĐ/2011/KUNN, nội dung cụ thể:

+ Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn)

+ Thời hạn vay: 36 tháng

+ Mục đích vay: Sửa chữa và cải tạo cửa hàng.

+ Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/ lần hàng tháng
Lãi suất kỳ đầu tiên là 26%/năm. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của DBank tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh trên từng khế ước nhận nợ/hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách của DBank tại từng thời kỳ.

+ Hình thức trả nợ:

Trả nợ gốc: Trả 06 tháng 1 lần vào ngày 25. Trong 5 kỳ đầu mỗi kỳ trả 330.000.000 đồng, Ngày trả gốc cuối cùng 25/06/2014, số tiền 350.000.000 đồng.

Trả nợ lãi: Vào ngày 25 hàng tháng.

+ Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 8(1) tờ bản đồ số 22 tại địa chỉ: Phố K, xã K, huyện G, TP Hà Nội theo GCN số: AĐ 655790, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ số 1255, số QĐ 464/QĐ-UB, MS 5621279 do UBND huyện G, TP Hà Nội cấp ngày 27/06/2006 đứng tên ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1.

Khi khoản vay nêu trên quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần đến gặp bên vay vốn để bàn việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký, tìm cách tháo gỡ cho khoản vay, đồng thời có yêu cầu xử lý tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

Sau quá trình làm việc từ tháng 06/2013 đến tháng 04/2018 ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1 đã thanh toán cho ngân hàng tổng cộng là 925.000.000 đồng nợ gốc. Sau đó ông C và bà D1 đã đồng ý ký biên bản bàn giao tài sản để bán phát mại thu hồi khoản nợ, thời điểm tài sản được phát mại khoản vay đã quá hạn lâu ngày và nợ nhóm là nhóm 5.

Tài sản được bán đấu giá thành công sau khi trừ các chi phí phát sinh thu về số tiền 1.501.324.900 đồng để hạch toán thu nợ. Tính đến sau thời điểm DBank nhận được khoản tiền thu từ đấu giá tài sản (Ngày 16/01/2019) số tiền ông C và bà D1 nợ lại DBank tạm tính đến ngày 31/10/2024 là 1.122.251.478 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc quá hạn: 0 đồng;

+ Lãi phạt: 1.122.251.478 đồng;

+ Tổng nợ quá hạn: 1.122.251.478 đồng.

Lãi vay sẽ tiếp tục phát sinh thêm tương ứng theo thời gian.

Để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của Ngân hàng, DBank kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1 phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền: Tạm tính đến ngày 31/10/2024: 1.122.251.478 đồng, trong đó bao gồm:

+ Nợ gốc quá hạn: 0 đồng;

+ Lãi phạt: 1.122.251.478 đồng;

+ Tổng nợ quá hạn: 1.122.251.478 đồng.

- Buộc Bên vay vốn thanh toán cho DBank số tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bên vay vốn không hoặc chưa thực hiện dứt điểm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì DBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tìm các tài sản khác thuộc sở hữu của khách hàng để tiến hành kê biên, phát mại thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bên vay vốn với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được

từ bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho Bị đơn là ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1 nhưng Bị đơn không đến Tòa án làm việc, không thể hiện ý kiến, không giao nộp, không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cũng không tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa ngày 26/02/2025, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX phải ra quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại TNHH MTV D về việc Rút một phần yêu cầu khởi kiện do có sai sót trong quá trình tính toán khoản lãi. Không yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền 1.122.251.478 đồng mà yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ như sau:

- Nợ gốc quá hạn: 0 đồng
- Nợ lãi trên gốc quá hạn: 674.711.376 đồng.
- Lãi phạt chậm trả lãi: 166.117.876 đồng.

Tổng nợ là: 840.829.252 đồng.

Trường hợp Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên cho thì DBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc sở hữu của ông C và bà D1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

+ Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành các trình tự, thủ tục đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

+ Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan là không đến Tòa án vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị HĐXX:

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 122, 124, 299, 318, 319, 323, 342, 343, 471, 473, 474, 476, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 167 Luật Đất đai;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 59, 60 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 10 Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và khoản 2 Điều 1 Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Điều 01 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo dõi lãi suất thỏa thuận.

Đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP D (nay là ngân hàng TMCP TNHH một thành viên D).

2. Đình chỉ yêu cầu buộc ông C, bà D thanh toán số tiền 281.422.226 đồng của Ngân hàng TMCP D.

3. Buộc ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1 phải thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng TM TNHH một thành viên D theo Hợp đồng tín dụng số 0447/ĐĐ/2011/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0447/ĐĐ/2011/KUNN ngày 25/6/2011 là 840.829.252 đồng.

4. Về án phí: vụ án được thụ lý ngày 18/10/2024 nên đề nghị HĐXX áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại TNHH MTV D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1 có địa chỉ tại thôn G, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thụ lý, giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay thể hiện: Tranh chấp giữa DBank với ông C và bà D1 về Hợp đồng tín dụng với mục đích: Cho vay để sửa chữa, cải tạo cửa hàng là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về tư cách tham gia tố tụng: Theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: Ngân hàng thương mại TNHH MTV D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự nên là Nguyên đơn. Ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1 là người bị kiện nên là Bị đơn.

[4]. Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho Bị đơn là ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1 nhưng Bị đơn không đến Tòa án làm việc, không thể hiện ý kiến, không giao nộp, không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cũng không tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa ngày 26/02/2025, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX phải ra quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Như vậy, Bị đơn cố tình vắng

mặt tại tòa án gây khó khăn cho quá trình tố tụng và tự từ chối quyền và nghĩa vụ của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bị đơn. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn là có căn cứ.

[5]. Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng thương mại TNHH MTV D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung: Do có sai sót trong quá trình tính toán khoản lãi. Không yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền 1.122.251.478 đồng mà yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ như sau:

- Nợ gốc quá hạn: 0 đồng
- Nợ lãi trên gốc quá hạn: 674.711.376 đồng.
- Lãi phạt chậm trả lãi: 166.117.876 đồng.

Tổng nợ là: 840.829.252 đồng.

Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại TNHH MTV D đối với ông C và bà D1 về khoản tiền lãi là: 281.422.226 đồng.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[6]. Việc ký kết hợp đồng:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0447/ĐĐ/2011/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0447/ĐĐ/2011/KUNN ngày 25/06/2011 được ký kết với nội dung cụ thể:

+ Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn)

+ Thời hạn vay: 36 tháng

+ Mục đích vay: Sửa chữa và cải tạo cửa hàng.

+ Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/ lần hàng tháng
Lãi suất kỳ đầu tiên là 26%/năm. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của DBank tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh trên từng khế ước nhận nợ/hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách của DBank tại từng thời kỳ.

+ Hình thức trả nợ: Trả nợ gốc: Trả 06 tháng 1 lần vào ngày 25. Trong 5 kỳ đầu mỗi kỳ trả 330.000.000 đồng, Ngày trả gốc cuối cùng 25/06/2014, số tiền 350.000.000 đồng. Trả nợ lãi: Vào ngày 25 hàng tháng.

[7]. Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng:

Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[8]. Về việc thực hiện hợp đồng của các bên:

Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thương mại TNHH MTV D đã thực hiện việc giải ngân cho ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1. Hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay. Ông C và bà D1 đã nhận đủ số tiền vay, cũng đã thanh toán cho Ngân hàng được một phần tiền gốc và lãi nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình, vi phạm hợp đồng.

Sau quá trình làm việc từ tháng 06/2013 đến tháng 04/2018 ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1 đã thanh toán cho ngân hàng tổng cộng là 925.000.000 đồng nợ gốc. Sau đó, ông C và bà D1 không có khả năng trả nợ nên đã đồng ý ký biên bản bàn giao tài sản để bán phát mại thu hồi khoản nợ, thời điểm tài sản được phát mại khoản vay đã quá hạn lâu ngày và nợ nhóm là nhóm 5. Tài sản được Ngân hàng bán đấu giá thành công sau khi trừ các chi phí phát sinh thu về số tiền 1.501.324.900 đồng để hạch toán thu nợ. Số tiền này được trừ vào toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại và một phần lãi. Số tiền nợ lãi mà ông C và bà D1 còn nợ DBank sau khi đã trừ đi số tiền bán đấu giá tài sản là 840.829.252 đồng. Xét các chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với

lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi còn lại tính đến ngày xét xử 27/3/2025 là 840.829.252 đồng là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; Buộc bị đơn là ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1 phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi còn nợ là 840.829.252 đồng cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV D.

[9]. Quan điểm và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 122, 124, 299, 318, 319, 323, 342, 343, 471, 473, 474, 476, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 167 Luật Đất đai;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 59, 60 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 10 Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và khoản 2 Điều 1 Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Điều 01 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo dõi lãi suất thỏa thuận.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại TNHH MTV D đối với ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1 về yêu cầu thanh toán số tiền lãi là 281.422.226 đồng.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại TNHH MTV D đối với ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1.

[3]. Buộc bị đơn là ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1 phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ lãi còn lại là 840.829.252 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu tám trăm hai mươi chín nghìn hai trăm hai lăm đồng) cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV D.

[4]. Trong trường hợp ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1 không thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ trên hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại TNHH MTV D có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản cá nhân của ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1 để trả cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV D theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Chu C và bà Nguyễn Thị D1 phải chịu 37.224.870 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại TNHH MTV D số tiền 22.695.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004484 ngày 16/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội.

[6]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên

toà có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân TP.Hà Nội;*
- *VKSND huyện Gia Lâm;*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cồ Khắc Đàm